



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 45

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (Công ty mẹ) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 03 năm 2019. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Trí Dũng	Ủy viên
Ông An Quang Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Ủy viên
Ông Ito Junichi	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Vũ Tuyên Hoàng	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quân	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Tập đoàn.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Ông NGUYỄN BÁ HÙNG**

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2019



Số: 008/2019/BCSXHN-HT.00068

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 07 năm 2019, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và các công ty con cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 tại ngày 14 tháng 8 năm 2018. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại ngày 30 tháng 03 năm 2019, nội dung này được trình bày chi tiết trong phần 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2019

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2016-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>990.971.223.631</b>	<b>879.985.422.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.263.854.260</b>	<b>12.902.918.099</b>
1. Tiền	111		9.263.854.260	12.902.918.099
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>397.379.118.157</b>	<b>352.832.098.550</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	370.787.492.440	244.613.080.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	19.009.175.773	86.254.554.608
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.921.797.606	25.445.514.277
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.339.347.662)	(3.481.050.483)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>579.342.359.929</b>	<b>505.714.003.722</b>
1. Hàng tồn kho	141		579.433.801.786	505.805.445.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(91.441.857)	(91.441.857)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.985.891.285</b>	<b>8.536.402.047</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	3.755.589.712	7.924.761.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.090.263.668	605.112.773
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	6.035.802	6.527.802
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		134.002.103	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>545.619.779.667</b>	<b>500.269.482.726</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.058.719.898</b>	<b>11.452.420.353</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		20.058.719.898	11.452.420.353
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>435.322.927.526</b>	<b>395.134.677.840</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	285.170.610.334	274.322.675.717
- Nguyên giá	222		447.033.505.003	424.413.905.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.862.894.669)	(150.091.230.142)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.10	149.184.065.748	119.721.111.891
- Nguyên giá	225		196.872.219.791	161.397.029.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.688.154.043)	(41.675.917.722)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	968.251.444	1.090.890.232
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	2.190.109.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.221.858.410)	(1.099.219.622)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>-</b>	<b>3.148.041.168</b>
- Nguyên giá	231		-	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(273.742.732)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>78.639.259.626</b>	<b>78.684.327.456</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		78.639.259.626	78.684.327.456
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.598.872.617</b>	<b>11.850.015.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	10.794.167.781	11.850.015.909
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		804.704.836	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.536.591.003.298</b>	<b>1.380.254.905.144</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>882.851.083.292</b>	<b>761.169.654.012</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>819.363.459.131</b>	<b>691.225.838.904</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	183.434.580.551	127.802.467.936
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	36.061.275.501	10.891.728.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	21.210.660.429	12.676.390.732
4. Phải trả người lao động	314		3.767.487.287	5.431.396.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	544.202.560	679.250.400
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	599.462.883	599.463.236
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	32.354.356.409	19.500.600.630
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	532.429.979.983	504.683.087.982
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.961.453.528	8.961.453.528
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>63.487.624.161</b>	<b>69.943.815.108</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		56.981.091	56.981.091
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	63.430.643.070	69.886.834.017
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>653.739.920.006</b>	<b>619.085.251.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>653.739.920.006</b>	<b>619.085.251.132</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		517.950.850.000	517.950.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		517.950.850.000	517.950.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.991.921.439	7.991.921.439
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12.930.000)	(12.930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.889.306.294	30.889.306.294
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.839.813	12.450.839.813
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.469.932.460	49.815.263.586
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.815.263.586	(4.144.617.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.654.668.874	53.959.880.778
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.536.591.003.298</b>	<b>1.380.254.905.144</b>

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN BÁ HÙNG





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>835.321.882.139</b>	<b>751.723.897.353</b>
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>835.321.882.139</b>	<b>751.723.897.353</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	755.074.429.637	674.036.126.113
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>80.247.452.502</b>	<b>77.687.771.240</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	96.937.400	670.999.792
7 Chi phí tài chính	22	6.4	23.190.469.065	21.609.264.324
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.411.852.733	19.709.326.491
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	6.7	4.669.644.821	6.110.016.214
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.795.452.394	10.179.643.570
<b>11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>39.688.823.622</b>	<b>40.459.846.924</b>
12 Thu nhập khác	31	6.5	5.330.943.275	1.306.103.930
13 Chi phí khác	32	6.6	1.641.062.578	38.737.056
<b>14 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.689.880.697</b>	<b>1.267.366.874</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>43.378.704.319</b>	<b>41.727.213.798</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	9.528.740.281	7.784.015.522
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(804.704.836)	-
<b>18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>34.654.668.874</b>	<b>33.943.198.276</b>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		34.654.668.874	33.943.198.276
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.10</b>	<b>669</b>	<b>688</b>
<b>22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>6.10</b>	<b>669</b>	<b>688</b>

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN BÁ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>43.378.704.319</b>	<b>41.727.213.798</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.285.911.404	16.108.188.833
- Các khoản dự phòng	03		(63.545.559)	(27.721.401)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		713.078.380	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.236.605.120)	(1.027.792.088)
- Chi phí lãi vay	06		22.411.852.733	19.709.326.491
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>80.489.396.157</b>	<b>76.489.215.633</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(43.812.414.447)	31.116.708.563
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(61.858.036.009)	36.056.598.155
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		82.148.367.585	(19.179.213.651)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		5.225.019.888	(1.666.156.754)
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.409.877.699)	(19.709.326.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.247.191.342)	(2.426.570.525)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(30.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37.535.264.133</b>	<b>100.651.254.930</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(15.140.605.604)	(62.418.442.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.181.818.182	16.509.910.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(47.155.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.966.994	11.439.953
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.955.820.428)</b>	<b>(93.052.092.081)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		589.338.053.024	482.821.766.072
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(590.743.409.103)	(474.483.946.717)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(27.197.959.345)	(11.291.128.962)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.107.583.425)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.603.315.424)</b>	<b>(13.060.893.032)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>		<b>(3.023.871.719)</b>	<b>(5.461.730.183)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>60</b>		<b>12.287.725.979</b>	<b>21.224.871.247</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>9.263.854.260</b>	<b>15.763.141.064</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ DƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (công ty mẹ) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 03 năm 2019. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000 đồng** (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

### 1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty mẹ đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty mẹ có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

- (i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 12 năm 2015. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- (ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng
- (iii) Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 12 năm 2015. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và lắp đặt hệ thống cửa kính
- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 03 công ty
  - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

### 1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 263 người.

### 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

## 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm (theo VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh thì thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng biệt như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### 4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.5 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	04 - 05
Tài sản khác	05

### 4.11 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty.

### 4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm đến 08 năm.

### 4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.14 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### 4.15 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 4.16 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 4.17 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### 4.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 4.19 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.20 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

---

## 4.21 Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 4.22 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phần ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 4.24 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### 4.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 4.27 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.28 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 4.29 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Công ty / đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	Cổ đông
Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB	Cổ đông
Công ty CP Đầu tư F.I.T	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ	2.835.862.163	391.118.785
Tiền gửi ngân hàng	6.352.992.097	12.511.799.314
Tiền đang chuyển	75.000.000	
<b>Tổng</b>	<b>9.263.854.260</b>	<b>12.902.918.099</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH V&H Việt Nam	130.609.359.720	76.774.407.974
Công ty TNHH Thương mại DV Hùng Phát	106.270.780.271	52.287.006.427
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	28.047.599.665	20.526.618.582
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	33.450.453.126	38.588.492.531
Các khoản phải thu khách hàng khác	72.409.299.658	56.436.554.634
<b>Tổng</b>	<b>370.787.492.440</b>	<b>244.613.080.148</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại DV Hùng Phát	106.270.780.271	52.287.006.427
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	28.047.599.665	20.526.618.582
<b>Tổng</b>	<b>134.318.379.936</b>	<b>52.287.006.427</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Vật liệu và Hóa chất Hoàng Nam	-	40.429.501.682
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	-	24.555.075.573
Công ty TNHH Acumen Engineering Việt Nam	2.764.971.840	-
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	3.554.673.210	-
Các tổ chức, cá nhân khác	12.689.530.723	21.269.977.353
<b>Tổng</b>	<b>19.009.175.773</b>	<b>86.254.554.608</b>

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	-	-	205.302.450	-
Ký quỹ, ký cược	242.837.305	-	242.845.005	-
Phải thu khác	10.678.960.301	-	24.997.366.822	-
- Phải thu Thuế GTGT	2.352.414.542	-	1.376.205.488	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	4.538.000.000	-	20.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.788.545.759	-	3.621.161.334	-
<b>Tổng</b>	<b>10.921.797.606</b>	-	<b>25.445.514.277</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

<b>b. Dài hạn</b>					
Ký quỹ, ký cược	20.058.719.898		11.452.420.353		-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	7.715.975.000	-	7.411.308.000		-
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	3.952.414.038	-	3.348.944.924		-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust- CN Hà Nội	7.705.368.000	-	-		-
Các đối tượng khác	684.962.860	-	692.167.429		-
<b>Tổng</b>	<b>20.058.719.898</b>		<b>11.452.420.353</b>		<b>-</b>
<b>5.5 Nợ xấu</b>					
	<b>30/06/2019</b>		<b>01/01/2019</b>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>					
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1.362.831.455	883.982.018	1.412.831.455	883.982.018	
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội	540.964.459	-	540.964.459	-	
Công ty CP Thiết bị tự động hoá AMC	354.495.530	-	354.495.530	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Lập	1.301.231.937		1.301.231.937		
Các đối tượng khác	663.806.299	-	818.306.299	62.797.179	
<b>Tổng</b>	<b>4.223.329.680</b>	<b>883.982.018</b>	<b>4.427.829.680</b>	<b>946.779.197</b>	
<b>5.6 Hàng tồn kho</b>					
	<b>30/06/2019</b>		<b>01/01/2019</b>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên vật liệu	294.917.504.730	-	262.053.493.845	-	
Công cụ, dụng cụ	3.350.001	-	38.315.212	-	
Chi phí sản xuất dở dang	41.771.495.141	-	9.752.752.805	-	
Thành phẩm	69.435.956.355	91.441.857	76.931.181.417	91.441.857	
Hàng hóa	173.305.495.559	-	157.029.702.300	-	
<b>Tổng</b>	<b>579.433.801.786</b>	<b>91.441.857</b>	<b>505.805.445.579</b>	<b>91.441.857</b>	

Trong kỳ, Công ty mẹ và các công ty con thực hiện ký gửi hàng hóa tại kho của bên thứ ba chi tiết theo các hợp đồng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Hợp đồng số 01/2019/DAG-PD ngày 03/01/2019 Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á ký với Công ty TNHH Thương mại Phú Đức với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 42.014.011.648 VND.
- Hợp đồng số 01.01/2019/SMW-CTY68 ngày 02/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Phát triển 68 với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 30.341.905.435 VND.
- Hợp đồng số 02.01/2019/SMW-CTYDPL ngày 02/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty TNHH Danpla Việt Nam với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 28.164.905.668 VND.
- Hợp đồng số 01.02/2019/SMW-CTYHĐ ngày 30/01/2019 Công ty TNHH Smart Window Việt Nam ký với Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 22.808.603.000 VND.
- Hợp đồng số 01.01/2019/SMW-CTY68 ngày 04/01/2019 Công ty TNHH Nhựa Đông Á ký với Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam với tổng giá trị hàng hóa ký gửi là 57.915.615.053 VND.

Đến thời điểm 30/06/2019, Công ty mẹ và các công ty con đã bán hết hàng ký gửi. Bên ký gửi và bên nhận ký gửi đã thực hiện xác nhận lại số hàng ký gửi để đảm bảo không còn hàng ký gửi theo hợp đồng.

**5.7 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Xây dựng nhà xưởng tại KCN Châu Sơn, Hà Nam	54.294.902.860	32.121.146.413
Mua sắm TSCĐ	4.770.149.740	5.745.424.740
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	2.092.928.781	2.092.928.781
Sửa chữa nhà xưởng tại nhà máy Ngọc Hồi	17.481.278.245	38.724.827.522
<b>Tổng</b>	<b><u>78.639.259.626</u></b>	<b><u>78.684.327.456</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Phương tiện vận tải		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Vào ngày 01/01/2019	224.264.636.687	180.066.047.287	17.681.514.161	2.245.065.884	156.641.840	424.413.905.859						
Mua trong năm	-	-	5.050.000.000	-	-	5.050.000.000						
XDCB hoàn thành (*)	23.689.574.840	35.694.362.799	-	-	-	59.383.937.639						
Tặng khác	109.580.000	2.820.527.498	-	-	-	2.930.107.498						
Thanh lý, nhượng bán	-	(40.948.746.677)	(865.591.818)	-	-	(41.814.338.495)						
Giảm khác	-	-	(2.873.653.290)	(56.454.208)	-	(2.930.107.498)						
Vào ngày 30/06/2019	248.063.791.527	177.632.190.907	18.992.269.053	2.188.611.676	156.641.840	447.033.505.003						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Vào ngày 01/01/2019	47.072.520.848	84.165.320.161	16.889.464.632	1.807.282.661	156.641.840	150.091.230.142						
Khấu hao trong năm	4.371.905.213	7.637.401.941	942.134.677	43.267.044	-	12.994.708.875						
Tặng khác	-	5.196.046.456	-	-	-	5.196.046.456						
Thanh lý, nhượng bán	-	(703.128.118)	(676.243.650)	-	-	(1.379.371.768)						
Giảm khác	(121)	-	(4.934.386.070)	(105.332.845)	-	(5.039.719.036)						
Vào ngày 30/06/2019	51.444.425.940	96.295.640.440	12.220.969.589	1.745.216.860	156.641.840	161.862.894.669						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Vào ngày 01/01/2019	177.192.115.839	95.900.727.126	792.049.529	437.783.223	-	274.322.675.717						
Vào ngày 30/06/2019	196.619.365.587	81.336.550.467	6.771.299.464	443.394.816	-	285.170.610.334						

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 150.724.502.167 VND.

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.184.431.311 VND

(\*) Các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc xây dựng hoàn thành trong kỳ đang được ghi nhận tạm tăng theo giá trị tập hợp trên sổ kế toán và chưa có hồ sơ quyết toán, hoàn công.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2019	2.190.109.854
Mua trong năm	
Vào ngày 30/06/2019	2.190.109.854
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2019	1.099.219.622
Khấu hao trong năm	122.638.788
Vào ngày 30/06/2019	1.221.858.410
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2019	1.090.890.232
Vào ngày 30/06/2019	968.251.444

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2019	160.756.814.084	640.215.529	161.397.029.613
Thuê tài chính trong năm	35.475.190.178	-	35.475.190.178
Tăng khác	-	1.143.636.364	1.143.636.364
Giảm khác	(1.143.636.364)	-	(1.143.636.364)
Vào ngày 30/06/2019	195.088.367.898	1.783.851.893	196.872.219.791
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2019	41.115.311.853	560.605.869	41.675.917.722
Khấu hao trong năm	6.033.247.235	135.316.506	6.168.563.741
Tăng khác	-	177.796.520	177.796.520
Giảm khác	(334.123.940)	-	(334.123.940)
Vào ngày 30/06/2019	46.814.435.148	873.718.895	47.688.154.043
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2019	119.641.502.231	79.609.660	119.721.111.891
Vào ngày 30/06/2019	148.273.932.750	910.132.998	149.184.065.748

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.11 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư**

	01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2019 VND
<b>Bất động sản đầu năm giữ chờ tăng giá</b>				
<i>Nguyên giá</i>				
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	3.421.783.900	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Quyền sử dụng đất	273.742.732	-	273.742.732	-
<i>Giá trị còn lại</i>				
Quyền sử dụng đất	3.148.041.168	-	3.148.041.168	-

**5.12 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	778.846.222	4.610.641.564
Chi phí sửa chữa tài sản	2.766.599.490	3.314.119.908
Tiền thuê đất	210.144.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.755.589.712</b>	<b>7.924.761.472</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	1.656.858.491	2.804.457.699
Phí sử dụng cơ sở hạ tầng KCN Châu Sơn Hà Nam	314.227.347	314.227.347
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	8.471.215.299	8.572.587.957
Chi phí sửa chữa tài sản	72.155.862	158.742.906
Chi phí trả trước dài hạn khác	279.710.782	-
<b>Tổng</b>	<b>10.794.167.781</b>	<b>11.850.015.909</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.13 Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2018		Giảm trong kỳ		Tăng trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn (l)</b>	<b>504.683.087.982</b>	<b>504.683.087.982</b>	<b>577.795.133.516</b>	<b>550.048.241.515</b>	<b>532.429.979.983</b>	<b>532.429.979.983</b>		
<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>446.743.878.436</u>	<u>504.683.087.982</u>	<u>542.302.510.702</u>	<u>520.489.985.685</u>	<u>468.556.403.453</u>	<u>468.556.403.453</u>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	229.635.187.282	229.635.187.282	253.262.255.270	258.330.036.361	224.567.406.191	224.567.406.191		
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (2)	19.713.442.039	19.713.442.039	19.943.930.586	258.330.036.361	19.943.930.586	19.943.930.586		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (3)	33.166.990.605	33.166.990.605	37.388.309.447	33.526.992.605	37.028.307.447	37.028.307.447		
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - CN Hà Nội (4)	42.667.168.129	42.667.168.129	49.425.765.587	46.435.716.877	45.657.216.839	45.657.216.839		
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (5)	44.946.508.309	44.946.508.309	32.736.192.464	45.446.508.309	32.236.192.464	32.236.192.464		
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam (6)	39.891.083.811	39.891.083.811	46.004.552.672	46.158.423.605	39.737.212.878	39.737.212.878		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (7)	12.839.705.729	12.839.705.729	-	12.839.705.729	-	-		
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (8)	23.883.792.532	23.883.792.532	96.041.504.676	50.539.160.160	69.386.137.048	69.386.137.048		
Ông Nguyễn Bá Hùng	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-		
<u>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>57.939.209.546</u>	<u>57.939.209.546</u>	<u>35.492.622.814</u>	<u>29.558.255.830</u>	<u>63.873.576.530</u>	<u>63.873.576.530</u>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30.727.910.964	30.727.910.964	13.840.000.000	14.887.910.964	29.680.000.000	29.680.000.000		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ	131.599.992	131.599.992	65.799.996	65.799.996	131.599.992	131.599.992		
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Sờ giao dịch	-	-	1.430.833.335	420.833.335	1.010.000.000	1.010.000.000		
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	14.941.000.148	14.941.000.148	6.617.423.838	8.114.362.314	13.444.061.672	13.444.061.672		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.573.960.000	3.573.960.000	1.786.980.000	3.573.960.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi Nhánh Hà Nội	8.564.738.442	8.564.738.442	4.282.369.221	10.507.773.198
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội	-	-	5.526.181.668	5.526.181.668
<b>b) Vay và nợ dài hạn (II)</b>	<b>69.886.834.017</b>	<b>69.886.834.017</b>	<b>41.166.854.306</b>	<b>63.430.643.070</b>
<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>69.886.834.017</u>	<u>69.886.834.017</u>	<u>41.166.854.306</u>	<u>63.430.643.070</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (9)	21.944.545.429	21.944.545.429	-	8.104.545.429
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ (10)	87.733.368	87.733.368	-	21.933.372
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - CN Sở giao dịch (11)	-	-	3.030.000.000	1.599.166.665
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (12)	22.180.417.667	22.180.417.667	2.611.697.853	17.864.618.935
Công ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (13)	9.712.928.000	9.712.928.000	-	7.925.948.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi Nhánh Hà Nội (14)	15.961.209.553	15.961.209.553	11.860.620.506	16.232.267.337
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội (15)	-	-	17.208.345.000	11.682.163.332
<b>Tổng (I+II)</b>	<b>574.569.921.999</b>	<b>574.569.921.999</b>	<b>612.505.796.875</b>	<b>595.860.623.053</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

### Trong đó:

- (1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng vay. Cụ thể như sau:
  - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2018/7610660/HĐTD ký vào ngày 27/09/2018 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 26/09/2017. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/09/2019. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phủ Lý, Hà Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung giá trị 152,997 tỷ đồng; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 4,1 tỷ đồng; máy nghiền Fomex theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐBĐ ngày 31/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
  - Các khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/1623476/HĐTD ngày 27/9/2018 với hạn mức vay tối đa là 180.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, phát hành L/C, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm bao gồm tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền số 01-2015/TP/CC-SCC/HĐTD ngày 30/10/2015; xe ô tô Bentley - BKS 29A 398.88;
  - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/7939037/HĐTD ký vào ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 30 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, được nhận nợ bằng cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó bao gồm cho vay, bảo lãnh, mở LC (trừ phần ký quỹ). Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê.
- (2) Các khoản vay Ngân hàng Shinhan Việt Nam theo hợp đồng số 130000446932 ngày 05/7/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 130000446932-004 ngày 7/8/2018 với hạn mức vay là 20.000.000.000 đồng với lãi suất vay thả nổi, Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30.000.000.000 đồng.
- (3) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 121/2017-HĐCVHM/NHCT140-NHUADONGA và Hợp đồng tín dụng số 07/2019-HĐCVHM/NHCT140-NHUADONGA ngày 08/5/2019 với hạn mức vay là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: để bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, Tài sản đảm bảo bao gồm giá trị hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 13/2018/HĐTCHTK/NHCT140-NHUADONGA ngày 08/1/2018; Các loại máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 0705/2019/HĐBĐ/NHCT140-NDA1 ngày 07/5/2019 và hợp đồng thế chấp số 0705/2019/HĐBĐ/NHCT140-NDA1 ngày 07/5/2019.
- (4) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức giữa Ngân hàng Maybank chi nhánh Hà Nội với hạn mức vay 4.000.000 USD, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là giá trị hàng tồn kho luân chuyển.
- (5) Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/082017-784 ngày 08/08/2017; giá trị hạn mức tín dụng 45 tỷ đồng; lãi suất theo khế ước nhận nợ từng lần; thời hạn cho vay từng lần tối đa là 6 tháng, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản; tài sản đảm bảo là các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-88 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, hàng hóa theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-89 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-87 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 37 tỷ đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- (6) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 16/11/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam, hạn mức vay ngắn hạn là 2.000.000 USD với lãi suất theo các giấy nhận nợ là 6,5%/năm, thời hạn vay 5 tháng, mục đích tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.
- (7) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012NDA/2018/HĐTD ngày 6/7/2018 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (8) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-180051316 ngày 17/12/2018 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 70.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (9) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng vay dài hạn với số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 37.784.545.429 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2019 là 4.321.191.761 VND). Cụ thể như sau:
  - Hợp đồng tín dụng số 04/2016/7610660/HĐTD ngày 5/12/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 12.495.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay kỳ đầu là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định gián tiếp - Xây dựng nhà kho, nhà xưởng, cải tạo nhà điều hành văn phòng tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
  - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 03/05/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 16.100.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay 10,2%/năm áp dụng tới ngày 01/10/2017, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay để thanh toán các chi phí phụ hợp thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, hệ thống san nền, đường nội bộ, rãnh nước, đầu tư 02 máy sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ theo biên bản hợp hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 24/02/2017 (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
- (10) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (11) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng số 19.01.TDH.120853/HĐTD-SGD ngày 21 tháng 01 năm 2019, với số tiền vay là 3.030.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay trong 06 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, lãi suất sau đó được áp dụng theo công thức: bằng lãi suất cơ sở (+) margin tối thiểu 3,6%/năm và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư 01 Xe ô tô Lexus, màu nâu, xe 8 chỗ, số tự động, xe đã qua sử dụng, xuất xứ: Nhật Bản, sản xuất năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (12) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00269-000 ngày 18/12/2017 về việc mua sắm máy trộn nguyên vật liệu, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê 7,8%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính bên thuê sẽ cam kết mua lại tài sản cho thuê.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00068-000 ngày 27/4/2017 với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy đùn PVC với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 8,3%/năm có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán sau mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,8% giá mua.
  - Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 2018-00016-000 ngày 29/03/2018 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về việc thuê hệ thống máy thí nghiệm, thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất 7,76%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 1% giá mua.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00214-000 ngày 29/09/2017 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê 3 dây chuyền sản xuất tấm ốp trần nhựa, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 7,8%/năm. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
- (13) Khoản nợ thuê tài chính Công Ty Cho Thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê 8,5%/năm trong 6 tháng đầu, sau 6 tháng được điều chỉnh bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 VND.
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016 với số tiền thuê là 1.258.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 438.400.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 170.400.000 VND).
- (14) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi Nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số C180605912 ngày 03/07/2018 về Hệ thống máy đùn thanh nhựa và hạt nhựa, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất 7,77%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
  - Hợp đồng thuê tài chính số C181120412 ngày 22/11/2018 về việc thuê Máy gia công phủ màng laminate cho tấm nhựa PVC, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
  - Hợp đồng thuê tài chính số C181121112 ngày 29/11/2018 về việc thuê Hệ thống máy trộn nguyên vật liệu PVC và hệ thống máy đùn nhựa, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Hợp đồng thuê tài chính số C181130112 ngày 28/11/2018 về việc thuê Dây chuyền sản xuất tấm ốp trần bằng nhựa, thời hạn thuê 34 tháng, lãi suất 7,17%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
  - Hợp đồng thuê tài chính số C190536012 ngày 19/06/2019 về Máy gia công phủ màng cho tấm nhựa PVC, thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất 7,43%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
  - Hợp đồng thuê tài chính số C190617712 ngày 27/06/2019 về Máy sản xuất tấm trần, thời hạn thuê 46 tháng, lãi suất 8,03%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, bên thuê cam kết mua lại tài sản theo giá trị còn lại đã xác định trước theo hợp đồng.
- (15) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội theo các hợp đồng số 21719000115/HĐTTC ngày 6/6/2019 và hợp đồng số 21719000109/HĐTTC ngày 30/05/2019 đồng về việc thuê dây chuyền sản xuất tấm trần PVC SJSJ65/138 và Dây chuyền sản xuất tấm tủ và tấm trần thả (SJSZ65/138) với thời hạn thuê 36 tháng với lãi suất 7,2%/năm, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với tổng giá trị 147.500.100 đồng.

**Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
<b>6 tháng đầu năm 2019</b>			
Trên 1 năm đến 5 năm	20.307.489.071	2.256.292.090	18.051.196.981
Trên 5 năm	1.912.066.888	210.286.888	1.701.780.000
	<b>22.193.321.384</b>	<b>2.440.344.403</b>	<b>19.752.976.981</b>
<b>6 tháng đầu năm 2018</b>			
Trên 1 năm đến 5 năm	5.790.019.939	474.537.912	5.315.428.027
Trên 5 năm	7.829.143.748	1.853.496.813	5.975.646.935
	<b>13.619.163.687</b>	<b>2.328.034.725</b>	<b>11.291.128.962</b>

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Jampoo Union Corp	14.437.351.700	14.437.351.700	14.443.059.225	14.443.059.225
Y&M International Corp	28.950.754.350	28.950.754.350	25.013.426.914	25.013.426.914
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd	37.381.163.689	37.381.163.689	22.505.190.274	22.505.190.274
Công ty TNHH Thương Mại Phú Đức	25.622.007.860	25.622.007.860	-	-
Các đối tượng khác	77.043.302.952	77.043.302.952	65.840.791.523	65.840.791.523
<b>Tổng</b>	<b>183.434.580.551</b>	<b>183.434.580.551</b>	<b>127.802.467.936</b>	<b>127.802.467.936</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	5.525.928.497	5.525.928.497	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.525.928.497</b>	<b>5.525.928.497</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Công ty CP Tổng Công ty Mbland	-	3.213.138.819
Công ty TNHH V&H Việt Nam	1.328.464.987	3.516.788.637
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ A Tổng	-	341.888.772
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Nam Nguyễn Hoàng	1.759.081.391	1.875.696.791
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	2.997.212.218	-
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	2.385.624.055	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust CN Hà Nội	25.217.850.000	-
Các đối tượng khác	2.373.042.850	1.944.215.153
<b>Tổng</b>	<b><u>36.061.275.501</u></b>	<b><u>10.891.728.172</u></b>

**5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	<u>01/01/2019</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã nộp</u> VND	<u>30/06/2019</u> VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng		303.381.622	302.299.800	1.081.822
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.561.752.561	9.803.094.051	8.956.582.324	2.408.264.288
Thuế xuất nhập khẩu	174.766.039	1.243.986.494	1.266.355.911	152.396.622
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.630.101.110	9.528.740.280	2.247.191.342	17.911.650.048
Thuế thu nhập cá nhân	269.361.867	56.734.297	49.033.670	277.062.494
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		419.796.000	-	419.796.000
Thuế, phí khác	40.409.155	29.098.000	29.098.000	40.409.155
<b>Tổng</b>	<b><u>12.676.390.732</u></b>	<b><u>21.384.830.744</u></b>	<b><u>12.850.561.047</u></b>	<b><u>21.210.660.429</u></b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế khác	6.527.802	492.000	-	6.035.802
<b>Tổng</b>	<b><u>6.527.802</u></b>	<b><u>492.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.035.802</u></b>

**5.17 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí Kiểm toán	135.000.000	200.000.000
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	380.192.560	450.240.400
Chi phí nhập Container phải trả	29.010.000	29.010.000
<b>Tổng</b>	<b><u>544.202.560</u></b>	<b><u>679.250.400</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.18 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>a) Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	1.418.177.595	1.381.568.565
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	612.668.671	406.937.170
Nhận ký quỹ, ký cược	345.190.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.978.320.143	17.712.094.895
- Ông Nguyễn Bá Hùng	14.228.738.000	1.738.738.000
- Bà Trần Thị Lê Hải	451.262.400	325.452.000
- Cổ tức phải trả	711.352.825	13.291.127.950
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	5.267.079.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	6.301.147.650	-
- Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	641.250.000	-
- Các đối tượng khác	2.377.490.268	2.356.776.945
<b>Tổng</b>	<b>32.354.356.409</b>	<b>19.500.600.630</b>
<b>a) Các khoản phải trả dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	56.981.091	56.981.091
<b>Tổng</b>	<b>56.981.091</b>	<b>56.981.091</b>

**5.19 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/06/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
Doanh thu nhận trước	599.462.883	599.463.236
<b>Tổng</b>	<b>599.462.883</b>	<b>599.463.236</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.20 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư 01/01/2018</b>	<b>493.286.910.000</b>	<b>8.021.921.439</b>	<b>(8.060.000)</b>	<b>47.872.927.383</b>	<b>549.173.698.822</b>
Tăng vốn trong năm	24.663.940.000	(30.000.000)	(4.870.000)	(24.663.940.000)	(34.870.000)
Lãi trong năm	-	-	-	53.959.880.778	53.959.880.778
Tăng khác	-	-	-	4.491.274.533	4.491.274.533
Chia cổ tức	-	-	-	(24.663.940.000)	(24.663.940.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7.180.939.108)	(7.180.939.108)
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>49.815.263.586</b>	<b>575.745.105.025</b>
Vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	34.654.668.874	34.654.668.874
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/06/2019</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>84.469.932.460</b>	<b>610.399.773.899</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 517.950.850.000 đồng, chia thành 51.795.085 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2019 như sau:

Cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	110.608.650.000	21,36%	110.608.650.000	21,36%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	139.288.520.000	26,89%	139.288.520.000	26,89%
Các cổ đông khác	268.053.680.000	51,75%	268.053.680.000	51,75%
<b>Tổng</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>100%</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	517.950.850.000	439.786.910.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	517.950.850.000	439.786.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.663.940.000

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.795.085	51.795.085
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.795.085	51.795.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.795.085	51.795.085
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.293	1.293
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.293	1.293
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.793.792	51.793.792
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.793.792	51.793.792
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>01/01/2019 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>30/06/2019 VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	30.889.306.294	-	-	30.889.306.294
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.	12.450.839.813	-	-	12.450.839.813
<b>Tổng</b>	<b>43.340.146.107</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43.340.146.107</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	2.113,74	3.113,98

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>6 tháng đầu năm 2019 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018 VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	820.975.394.259	718.887.191.179
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	11.164.669.698	32.836.706.174
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	3.181.818.182	-
<b>Tổng</b>	<u><b>835.321.882.139</b></u>	<u><b>751.723.897.353</b></u>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	319.410.265.303	77.432.491.053
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	25.910.474.208	-
<b>Tổng</b>	<u><b>345.320.739.511</b></u>	<u><b>77.432.491.053</b></u>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>6 tháng đầu năm 2019 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018 VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	745.116.417.225	647.920.727.316
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	9.958.012.412	26.115.398.797
<b>Tổng</b>	<u><b>755.074.429.637</b></u>	<u><b>674.036.126.113</b></u>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>6 tháng đầu năm 2019 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018 VND</u>
Lãi tiền gửi	2.966.994	11.439.953
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.970.406	618.973.839
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	40.586.000
<b>Tổng</b>	<u><b>96.937.400</b></u>	<u><b>670.999.792</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2019 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>
Lãi tiền vay	22.411.852.733	19.709.326.491
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.537.952	1.082.624.420
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	713.078.380	816.655.760
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	657.653
<b>Tổng</b>	<b>23.190.469.065</b>	<b>21.609.264.324</b>

**6.5 Thu nhập khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2019 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>
Thanh lý tài sản	5.209.481.142	1.016.352.135
Thu phạt nhân viên	18.314.956	48.801.552
Thu nhập khác	103.147.177	240.950.243
<b>Tổng</b>	<b>5.330.943.275</b>	<b>1.306.103.930</b>

**6.6 Chi phí khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2019 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>
Chi phí nộp phạt hành chính về thuế	605.693.741	3.632.509
Chi phí khấu hao hệ thống máy lạnh phát sinh từ năm 2013 đến 2018 chưa trích	975.275.000	-
Chi phí khác	60.093.837	35.104.547
<b>Tổng</b>	<b>1.641.062.578</b>	<b>38.737.056</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng đầu năm 2019 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>12.795.452.394</b>	<b>10.179.643.570</b>
Chi phí nhân viên	4.382.214.417	5.214.439.893
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.451.299.665	1.121.503.886
Các khoản chi phí QLDN khác.	6.961.938.312	3.843.699.791
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.669.644.821</b>	<b>6.110.016.214</b>
Chi phí nhân viên	2.404.080.963	2.905.674.815
Chi phí Khấu hao TSCĐ	915.719.140	783.933.788
Các khoản chi phí bán hàng khác.	1.349.844.718	2.420.407.611

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	179.483.470.575	260.736.463.751
Chi phí nhân công	12.462.148.685	13.643.111.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.681.133.622	16.108.188.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.048.564.560	819.523.918
Chi phí khác	3.597.516.443	4.967.619.634
<b>Tổng</b>	<b>221.272.833.884</b>	<b>296.274.907.882</b>

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	9.528.740.281	7.784.015.522
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.528.740.281</b>	<b>7.784.015.522</b>

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.10 Lãi trên cổ phần**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)</b>	<b>34.654.668.874</b>	<b>33.943.198.277</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>34.654.668.874</b>	<b>33.943.198.277</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	51.793.792	49.327.885
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>669</b>	<b>688</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>669</b>	<b>688</b>
<b>7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>		
<b>7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>		
	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Ghi nhận tăng tài sản cố định thuê tài chính tương ứng với ghi nhận tăng khoản nợ thuê tài chính	39.055.668.359	17.608.777.526
<b>7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	589.338.053.024	482.821.766.072
<b>7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	590.743.409.103	474.483.946.717
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	27.197.959.345	11.291.128.962
<b>Tổng</b>	<b>617.941.368.448</b>	<b>485.775.075.679</b>
<b>8. CÁC THÔNG TIN KHÁC</b>		
<b>8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	192.428.082	164.199.600

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Bán hàng	319.410.265.303	77.432.491.053
	Mua hàng		51.404.646.393
Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam	Bán hàng	25.910.474.208	-
	Mua hàng	5.525.928.497	-
Ông Nguyễn Bá Hùng	Vay	21.990.000.000	-
	Trả vay	9.500.000.000	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát</b>		
- Phải thu thương mại	106.270.780.271	52.287.006.427
- Phải thu ngắn hạn khác	4.538.000.000	20.000.000.000
- Phải trả ngắn hạn khác	5.267.079.000	-
<b>Công ty TNHH Liên doanh Shide Việt Nam</b>		
- Phải thu thương mại	28.047.599.665	-
- Phải trả thương mại	5.525.928.497	-
<b>Ông Nguyễn Bá Hùng</b>		
- Phải trả ngắn hạn khác	14.228.738.000	1.738.738.000
<b>Bà Trần Thị Lê Hải</b>		
- Phải trả ngắn hạn khác	451.262.400	325.452.000

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

**Bộ phân theo khu vực địa lý**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	827.453.186.035	7.868.696.104	835.321.882.139
Tài sản bộ phận	364.456.617.571	6.330.874.869	370.787.492.440
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	-	-

**Bộ phân theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	168.059.672.678	656.097.539.763	11.164.669.698	835.321.882.139
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>41.728.318.854</b>	<b>(8.280.307.266)</b>	<b>1.206.657.286</b>	<b>34.654.668.874</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	45.211.015.278	19.222.922.361	-	64.433.937.639
Tài sản bộ phận	829.003.809.335	351.169.643.730	356.417.550.233	1.536.591.003.298
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.536.591.003.298</b>
Nợ phải trả bộ phận	712.506.324.283	118.231.703.711	52.113.055.298	882.851.083.292
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>882.851.083.292</b>

**8.4 Công cụ tài chính*****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính***

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

---

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay [áp dụng trong từng trường hợp] của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

## **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

## **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở đồng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</b>			
Phải trả người bán	183.434.580.551	-	183.434.580.551
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.506.598.803	56.981.091	92.563.579.894
Vay và nợ thuê tài chính	532.429.979.983	63.430.643.070	595.860.623.053
	<b>808.371.159.337</b>	<b>63.487.624.161</b>	<b>871.858.783.498</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</b>			
Phải trả người bán	127.802.467.936	-	127.802.467.936
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.753.460.853	56.981.091	50.810.441.944
Vay và nợ thuê tài chính	504.683.087.982	69.886.834.017	574.569.921.999
	<b>683.239.016.771</b>	<b>69.943.815.108</b>	<b>753.182.831.879</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</b>			
Tiền và tương đương tiền	9.263.854.260	-	9.263.854.260
Phải thu khách hàng	370.787.492.440	-	370.787.492.440
Các khoản phải thu khác	29.937.009.181	20.058.719.898	49.995.729.079
	<b>409.988.355.881</b>	<b>20.058.719.898</b>	<b>430.047.075.779</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</b>			
Tiền và tương đương tiền	12.902.918.099	-	12.902.918.099
Phải thu khách hàng	244.613.080.148	-	244.613.080.148
Các khoản phải thu khác	111.501.294.237	11.452.420.353	122.953.714.590
	<b>369.017.292.484</b>	<b>11.452.420.353</b>	<b>380.469.712.837</b>

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019:

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 150.724.502.167 VND; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	9.263.854.260	12.902.918.099	9.263.854.260	12.902.918.099
Phải thu khách hàng	370.787.492.440	244.613.080.148	370.787.492.440	244.613.080.148
Các khoản phải thu khác	49.995.729.079	122.953.714.590	49.995.729.079	122.953.714.590
	<b>430.047.075.779</b>	<b>380.469.712.837</b>	<b>430.047.075.779</b>	<b>380.469.712.837</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	183.434.580.551	127.802.467.936	183.434.580.551	127.802.467.936
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.563.579.894	50.810.441.944	92.563.579.894	50.810.441.944
Vay và nợ thuê tài chính	595.860.623.053	574.569.921.999	595.860.623.053	574.569.921.999
	<b>871.858.783.498</b>	<b>753.182.831.879</b>	<b>871.858.783.498</b>	<b>753.182.831.879</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ cổ tức là 8% vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và phương án phát hành chi tiết.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**10. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**11. THÔNG TIN SO SÁNH**

Trong kỳ, Công ty thực hiện điều chỉnh lại một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2019 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ để phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ và có thể so sánh, chi tiết như sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày	Tại ngày	Chênh lệch
		31/12/2018 (Đã điều chỉnh) VND	31/12/2018 VND	
Phải thu ngắn hạn khác	136	25.445.514.277	25.102.255.235	343.259.042
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	504.683.087.982	446.743.878.436	57.939.209.546

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày	Tại ngày	Chênh lệch
		31/12/2018 (Đã điều chỉnh)	31/12/2018	
		VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	69.886.834.017	127.826.043.563	(57.939.209.546)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	49.815.263.586	49.472.004.544	343.259.042
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(4.144.617.192)	52.697.000.968	(56.841.618.160)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	53.959.880.778	(3.224.996.424)	57.184.877.202

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.



**NGUYỄN THỊ DƯƠNG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN BÁ HÙNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019